TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 136/2022/QĐST-HNGĐ	*Đầm Dơi, ngày 29 tháng 7 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẦM DƠI, TỈNH CÀ MAU

Căn cứ vào các Điều 212, Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 133/2022/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 7 năm 2022 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Anh Phạm Văn Đ, sinh năm 1975

2. Chị Trần Kim T, sinh năm 1976

Cùng nơi cư trú: Ấp TA, xã TĐ, huyện ĐD, tỉnh Cà Mau.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Phạm Văn Đ và chị Trần Kim T tự nguyện chung sống vào năm 1996, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã NH, huyện ĐD vào ngày 28/3/1996. Trong quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm và ly thân. Nay anh chị thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận việc thuận tình ly hôn. Xét thấy, việc thuận tình ly hôn của anh chị là tự nguyện, không trái pháp luật nên được công nhận.

[2] Về con chung: Phạm Văn K (nam), sinh ngày 22/9/1999, Phạm văn K1 (nam), sinh ngày 30/7/2002 và Phạm Kim X (nữ), sinh ngày 13/6/2008 đang sống cùng anh chị. Khi ly hôn, đối với cháu K và K1 đã trưởng thành anh chị không yêu cầu Toà án giải quyết việc nuôi con, đối với cháu X, theo nguyện vọng sống với chị T nên thoả thuận giao cho chị T nuôi, cấp dưỡng nuôi con không đặt ra. Anh Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở. Xét thấy, việc thỏa thuận nuôi con của anh chị là tự nguyện, không trái pháp luật nên được công nhận.

[3] Về tài sản chung, nợ người khác và người khác nợ lại: Anh chị xác định tài sản chung tự thoả thuận, nợ không có nên không đặt ra xem xét.

[4] Về lệ phí Tòa án: Anh Đ và chị T mỗi người phải chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Phạm Văn Đ và chị Trần Kim T thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Giao con Phạm Kim X (nữ), sinh ngày 13/6/2008 cho chị Trần Kim T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng. Anh Phạm Văn Đ có quyền và nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở.

2. Về lệ phí Tòa án: Anh Phạm văn Đ và chị Trần Kim T mỗi người phải chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm số tiền 150.000 đồng (một trăm năm mươi nghìn đồng). Anh Đ và chị T mỗi người được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đã nộp là 150.000 đồng lần lượt tại các biên lai số 0012803 và số 0012804 ngày 21/7/2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Đầm Dơi, anh Đ và chị T đã nộp đủ lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- UBND xã NH;
- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Đầm Dơi;
- CCTHADS huyện Đầm Dơi;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Biện Thị Nhung